

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH P

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 01 năm 2025
V/v “tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Anh;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phầm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh P.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Ngọc Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Quốc H - sinh năm 1977.

ĐKKHKT: khu 8, xã V, thành phố V, tỉnh P.

- *Bị đơn:* Chị Ngô Thị Tuyết V - sinh năm 1983.

ĐKKHKT: khu 8, xã V, thành phố V, tỉnh P.

Hiện nay đang ở nước ngoài.

(Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt; chị V vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Trần Quốc H trình bày: anh H và chị Ngô Thị Tuyết V tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 04/01/2005 tại Ủy ban nhân dân xã V (nay là phường V), thành phố V, tỉnh P. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc. Từ năm 2009 đến nay giữa vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn

trầm trọng không giải quyết được, vợ chồng anh chị đã ly thân đến nay đã 15 năm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ngô Thị Tuyết V.

Về con chung: Anh Trần Quốc H xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Trần Anh T, sinh ngày 18/10/2005 và cháu Trần Khánh C, sinh ngày 28/3/2011. Hiện nay cháu T đã thành niên nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H đề nghị Tòa án giao cháu C cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh với số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng triệu đồng)/01 tháng cho đến khi con chung thành niên.

Tại đơn xin rút 1 phần yêu cầu khởi kiện ngày 23/10/2024 anh H đã thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là về cấp dưỡng nuôi con: anh H tự nguyện không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh. Ngoài ra những yêu cầu khởi kiện khác anh H vẫn giữ nguyên.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: anh Trần Quốc H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: anh Trần Quốc H tự nguyện xin chịu T bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Trần Quốc H đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt mình.

Anh Trần Quốc H trình bày hiện nay anh không biết địa chỉ cụ thể của chị V ở nước ngoài nên anh không thể cung cấp địa chỉ của chị V cho Tòa án được. Anh H đề nghị Tòa án xác minh địa chỉ của chị V ở nước ngoài thông qua cháu Trần Anh T (con chung của anh H, chị V).

Cháu Trần Anh T trình bày: chị V hiện nay đang ở nước ngoài (Đài Loan). Hiện tại cháu T vẫn thường xuyên liên lạc với chị V qua điện thoại nV cháu T không biết địa chỉ cụ thể của chị V ở chỗ nào tại Đài Loan vì chị V không nói cho cháu T biết. Do vậy cháu T không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay của chị V tại Đài Loan cho Tòa án. Cháu T cũng đã nhận và thông báo về nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị V được biết. Việc anh H làm đơn xin ly hôn chị V, cháu T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quốc H. Về quan hệ hôn nhân: cho anh Trần Quốc H được ly hôn chị Ngô Thị Tuyết V. Về con chung: giao cháu Trần Khánh C, sinh ngày 28/3/2011 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, công nợ chung: không đặt ra xem xét. Về án phí: anh Trần Quốc H phải chịu án phí

ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Trần Quốc H nộp đơn xin ly hôn với chị Ngô Thị Tuyết V tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn anh H trình bày hiện nay chị V đang sống và làm việc ở nước ngoài. Tại văn bản số: 1101/QLXNC-Đ1 ngày 16/9/2024 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh P đã xác nhận chị V đã xuất cảnh ra nước ngoài và hiện chưa nhập cảnh về Việt Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh P.

Trong vụ án này chị V không có mặt ở Việt Nam nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Quốc H và chị Ngô Thị Tuyết V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 04/01/2005 tại Ủy ban nhân dân xã V (nay là phường V), thành phố V, tỉnh P. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng anh chị luôn hòa thuận, yêu thương nhau. Trong thời gian chị V đi nước ngoài giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ngô Thị Tuyết V.

Chị Ngô Thị Tuyết V hiện nay đang ở nước ngoài, anh Trần Quốc H chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của chị Ngô Thị Tuyết V ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị V ở nước ngoài cho Tòa án. Theo yêu cầu của anh H, Tòa án đã xác minh địa chỉ của chị V ở nước ngoài thông qua cháu Trần Anh T.

Cháu Trần Anh T cung cấp thông tin như sau: hiện tại cháu vẫn thường xuyên liên lạc với chị V nV cháu T không biết địa chỉ cụ thể của chị V ở nước ngoài vì chị V không nói cho cháu được biết. Do vậy, cháu T không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay của chị V cho Tòa án được. cháu T cũng nhất trí nhận thay chị V các văn bản tố tụng và thông báo về nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị V biết. Căn cứ Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán - Tòa án nhân dân Tối cao về việc hướng dẫn áp dụng

một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình và Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nV không rõ địa chỉ, xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng anh H và chị V đã không còn chung sống cùng với nhau, vợ chồng sống ly thân đã một thời gian dài, không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống gia đình nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh Trần Quốc H đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ngô Thị Tuyết V là có căn cứ phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó đề nghị xin ly hôn của anh H được chấp nhận.

- Về con chung: hồ sơ vụ án thể hiện trong thời kỳ hôn nhân anh Trần Quốc H và chị Ngô Thị Tuyết V có 02 con chung là cháu Trần Anh T, sinh ngày 18/10/2005 và cháu Trần Khánh C, sinh ngày 28/3/2011. Xét thấy hiện cháu T đã thành niên, có đủ khả năng tự túc lao động nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Cháu C hiện đang được anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, và cháu cũng có mong muốn được ở cùng với bố sau khi bố mẹ ly hôn. Do đó, cần giao cháu C cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi anh H và chị V ly hôn là phù hợp. Chị V không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: anh Trần Quốc H đề nghị tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: anh Trần Quốc H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, 4 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quốc H.

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Quốc H được ly hôn với chị Ngô Thị Tuyết V.

[2] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Trần Khánh C, sinh ngày 28/3/2011 cho anh Trần Quốc H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi thành niên. Chị Ngô Thị Tuyết V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H do anh H tự nguyện không yêu cầu.

Chị Ngô Thị Tuyết V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: anh Trần Quốc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh Trần Quốc H đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000353 ngày 01/10/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh P.

[5] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: anh Trần Quốc H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Thời hạn kháng cáo của chị Ngô Thị Tuyết V là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- UBND phường V;
- Các đương sự;
- Lưu: HS - AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Viết Anh